

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 307/2022/DS-PT  
Ngày 29 –11– 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Trung

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C..

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị A, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Hoàng D, sinh năm 1963 (vắng mặt);

2. Anh Ngô Thanh N, sinh năm 1992 (vắng mặt);

3. Chị Tạ Ngọc H, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh C ..

4. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh C.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Quốc T - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Bé T là nguyên đơn; bà Phan Thị A là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:*

Ngày 24/6/2015, bà A và ông D có vay của bà số tiền là 280.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, bà A có viết biên nhận nợ và ký tên. Từ khi vay đến nay, bà A và ông D không trả vốn lãi cho bà.

Cũng trong ngày 24 tháng 6 năm 2015, bà A và ông D thuê căn nhà và phần đất mà bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 649,8 m<sup>2</sup>, thửa 77, tờ bản đồ 15 và phần đất diện tích là 7.340,3 m<sup>2</sup>, thửa 78, tờ bản đồ 15 cùng tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh C .. Hai bên có làm hợp đồng thuê nhà và đất với giá mỗi tháng là 8.000.000 đồng; bà A có ký tên, còn ông D bị bệnh nên không ký. Từ khi thuê đến nay, bà A và ông D không trả tiền thuê nên còn thiếu bà (số tiền thuê tạm tính từ ngày 24/6/2015 đến ngày 24/3/2019 là 45 tháng) số tiền là 360.000.000 đồng.

Trước đó, ngày 26/8/2014, bà A và ông D chuyển nhượng cho bà phần đất tại thửa 77 tờ bản đồ 15 diện tích là 7.340,3 m<sup>2</sup> với giá thực tế là 200.000.000 đồng nhưng ghi tại hợp đồng chuyển nhượng giá là 86.000.000 đồng và bà có đưa thêm cho bà A số tiền là 114.000.000 đồng để đủ số tiền là 200.000.000 đồng. Đến ngày 24/11/2014, bà A và ông D tiếp tục chuyển nhượng cho bà phần đất diện tích là 649,8 m<sup>2</sup>, thửa 77, tờ bản đồ 15, với giá là 200.000.000 đồng, nhưng trước đó bà A có thiếu bà số tiền là 35.000.000 đồng nên bà đưa thêm cho bà A 165.000.000 đồng. Đến ngày 24.6.2015, bà lấy đất canh tác thì bà A nói có khó khăn về kinh tế nên xin thuê lại của bà phần đất nuôi trồng thủy sản và căn nhà, đồng thời bà A vay thêm số tiền là 280.000.000 đồng nhưng đến nay không trả vốn lãi.

Nay bà yêu cầu bà A và ông D trả số tiền vay vốn là 280.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật. Đối với căn nhà và phần đất do thuộc quyền sở hữu của bà nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, bà xin rút lại yêu cầu bà A và ông D trả số tiền thuê nhà và đất số tiền 360.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Phan Thị A trình bày:*

Trước đây không nhớ rõ thời gian, bà có vay bà T số tiền 22.000.000 đồng, lãi đến ngày 24/6/2015 (âl) là 21.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vốn, lãi là 43.000.000 đồng. Do đó, ngày 26/8/2014, bà T kêu bà và ông D ra Văn phòng công chứng Minh Hải lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T phần đất diện tích 7.340,3 m<sup>2</sup>, thửa số 78, tờ bản đồ 15 với giá là 86.000.000 đồng, nhưng thực tế chỉ nhận tiền của bà T là 43.000.000 đồng. Ngoài ra, bà có vay của bà T số tiền là 10.000.000 đồng và lãi là 7.000.000 đồng, Ngày 24/11/2014, bà A và ông D ra Văn phòng công chứng Minh Hải lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T phần đất diện tích là 649,8 m<sup>2</sup>, thửa số 77, tờ bản đồ 15 giá là 35.000.000 đồng. Bà A giao hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T giữ;

bà T chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T khi nào thì bà không biết. Hai bên có thỏa thuận, khi nào bà trả cho bà T đủ số tiền vay 43.000.000 đồng, bà T trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không thuê nhà và đất của bà T với giá là 8.000.000 đồng. Đối với hợp đồng cho thuê nhà và đất do bà T viết ngày 24/6/2015, bà có ký tên nhưng không biết nội dung.

Đồng thời số tiền vay 22.000.000 đồng và lãi là 21.000.000 đồng, ngày 24/6/2015 (dl) bà có viết biên nhận nợ nội dung bà có vay của bà T số tiền là 280.000.000 đồng. Từ khi làm biên nhận vay, bà và ông D không trả vốn lãi cho bà T. Khi bà viết biên nhận nợ này và ký tên thì không ai ép buộc bà, nhưng Tám nói bà chỉ trả cho bà T số tiền vốn 43.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận. Bà và ông D chỉ thiếu bà T số tiền vốn là 43.000.000 đồng, nhưng đồng ý trả cho bà Tám số tiền là 86.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số:107/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T đối với ông Ngô Hoàng D và bà Phan Thị A.

Buộc ông Ngô Hoàng D và bà Phan Thị A trả cho bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 480.468.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T kiện ông Ngô Hoàng D và bà Phan Thị A đòi tiền thuê nhà và đất số tiền là 360.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/8/2022, bà Nguyễn Thị Bé T có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Ngô Hoàng D và bà Phan Thị A trả cho bà Bé Tám số tiền vốn là 280.000.000 đồng và số tiền lãi là 400.968.000 đồng; tổng cộng là 680.968.000 đồng.

Ngày 15/8/2022, bà Phan Thị A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Bé T, bà Phan Thị A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

*Bà Nguyễn Thị Bé T tranh luận:* Bà A có nhận 280.000.000 đồng vốn nên bà A phải trả cho bà vốn 280.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,86%/tháng.

*Bà Phan Thị A tranh luận:* Bà chỉ nhận 43.000.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả 43.000.000 đồng và lãi theo quy định. Việc bà viết biên nhận nhận nợ số tiền 280.000.000 đồng là do bà T kêu bà viết nên bà viết. Bà T có hứa với bà khi trả chỉ trả 43.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa

đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé T. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị A. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé T, bà Phan Thị A, Hội đồng xét xử xét nhận định:

[1] Bà A kháng cáo cho rằng, bà A chỉ có vay của bà T số tiền 86.000.000 đồng vào ngày 26 tháng 8 năm 2014 nên không đồng ý trả cho bà T tiền vốn 280.000.000 đồng và tiền lãi 200.468.000 đồng như án sơ thẩm tuyên. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bà A không thừa nhận có vay số tiền 280.000.000 đồng nhưng bà A thừa nhận biên nhận ngày 24 tháng 6 năm 2015 là do bà A viết, bà A ký tên. Tại biên nhận ngày 24 tháng 6 năm 2015 dl thể hiện: *“Tôi tên phan thị ảnh năm sinh 1971, ấp đông hưng, xã Tân hưng Đông. Nay Tôi có hỏi của bà Nguyễn thị bé 8. SN 1960 áp Lý án số tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám chục triệu đồng)...”*. Như vậy, chính bà A đã tự viết có vay của bà T 280.000.000 đồng, bà A cũng thừa nhận khi viết biên nhận trên, bà A không bị bà T ép buộc. Bà A không lý giải được vì sao vốn vay là 86.000.000 đồng vào ngày 26 tháng 8 năm 2014 nhưng đến ngày 24 tháng 6 năm 2015 lại ra số tiền vay là 280.000.000 đồng.

[2] Tại cấp sơ thẩm, bà A lại trình bày, bà A có vay của bà T hai lần. Lần 1, bà A vay 20.000.000 đồng không nhớ thời gian, đến ngày 24 tháng 6 năm 2015 lãi là 21.000.000 đồng. Tổng số tiền vốn lãi là 43.000.000 đồng. Lần 2, bà A vay số tiền 10.000.000 đồng không nhớ thời gian, đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 lãi là 7.000.000 đồng. Như vậy, trình bày của bà A tại phiên tòa sơ thẩm và tại đơn kháng cáo là không thống nhất với nhau. Nếu cộng hai khoản vay như trình bày của bà A tại cấp sơ thẩm, đến ngày 24 tháng 6 năm 2015 thì vốn, lãi thấp hơn nhiều so với số tiền 280.000.000 đồng bà A đã ghi biên nhận nhận nợ. Hơn nữa, chính bà A cũng thừa nhận tại cấp sơ thẩm và phúc hai khoản nợ trên thì hai bên đã lập hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 26 tháng 8 năm 2014 và ngày 24 tháng 11 năm 2014 nhưng thực chất là thế chấp quyền sử dụng đất để vay tài sản. Như vậy có cơ sở xác định hai khoản vay trước với số tiền vốn vay 30.000.000 đồng là độc lập so với khoản vay 280.000.000 đồng ngày 24 tháng 6 năm 2015.

[3] Bà T kháng cáo không đồng ý tính lãi 10%/năm mà yêu cầu mức lãi suất 20%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên nhận ngày 24 tháng 6 năm 2015 có ghi lãi theo quy định nhưng không ghi rõ mức lãi suất bao nhiêu. Bà T cho rằng lãi 5%/tháng, bà A không thừa nhận có vay, cũng không thừa nhận có lãi. Tại biên nhận nợ ngày 24 tháng 6 năm 2015, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi rõ lãi bao nhiêu. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ. Tuy nhiên, từ ngày 24 tháng 6 năm 2015 đến ngày 01 tháng 8 năm 2022 là 85 tháng 8 ngày nhưng án sơ thẩm tính 86 tháng 8 ngày là không phù hợp nên Hội

đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lãi về phần này, cụ thể: 280.000.000 đồng x 10%/năm x 85 tháng 8 ngày = 198.955.500 đồng. Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn vốn, lãi số tiền 478.955.500 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông D, bà A phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký số tiền 4.880.000 đồng.

[5] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé T. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị A. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé T được miễn theo quy định. Bà Phan Thị A không phải chịu án phí; bà A có dự nộp tạm ứng 300.000 đồng, được nhận lại.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé T.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị A.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T đối với ông Ngô Hoàng D và bà Phan Thị A.

Buộc ông Ngô Hoàng D và bà Phan Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 478.955.500 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bé T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ngô Hoàng D và bà Phan Thị A không thi hành xong khoản tiền trên, thì ông D, bà A còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T về việc yêu cầu ông Ngô Hoàng D và bà Phan Thị A trả tiền thuê nhà và đất số tiền là 360.000.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông Ngô Hoàng D, bà Phan Thị A phải chịu số tiền 4.880.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Bé T đã nộp thay số tiền trên; ông D, bà A phải trả cho bà T số tiền 4.880.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bé T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ngô Hoàng D và bà Phan Thị A không thi hành xong khoản tiền trên, thì ông D, bà A còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Ngô Hoàng D và bà Phan Thị A phải chịu là 23.158.000 đồng (Chưa nộp). Bà Nguyễn Thị Bé T không phải chịu án phí. Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 8.400.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011016, ngày 17 tháng 02 năm 2017 và số tiền tạm ứng án phí là 4.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011058, ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé T được miễn án phí. Bà Phan Thị A không phải chịu án phí. Ngày 15/8/2022, bà A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008321 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Minh Trung**